

Số: 836 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0753.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí Nghiệp Cấp Nước KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 11/9/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 11/09/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	12/09/2019
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	12/09/2019
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,64	2	12/09/2019
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,44	0,3 - 0,5	12/09/2019
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	198,00	250,00	12/09/2019
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	260,00	300,00	12/09/2019
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,15	2	12/09/2019
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	2,37	15	12/09/2019
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,3	12/09/2019
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/09/2019
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,96	50	12/09/2019
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	12/09/2019
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,43	6,5 - 8,5	12/09/2019
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,09	0,3	12/09/2019
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	187,0	250	12/09/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

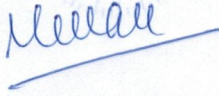
Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0753.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM



Ths. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 9 năm 2019

Ký, GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Cadmium tổng số (Cd _{total}) (mg/L)	ISO 9308 - 13014 (E) (*)	0	0	12/09/2019
2	Cadmium chì (Cd _{Pb}) (mg/L)	ISO 9308 - 13014 (E) (*)	0	0	12/09/2019
3	Chì tổng số (Pb _{total}) (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (*)	0,04	0,04	12/09/2019
4	Chì chì (Pb _{Pb}) (mg/L)	SMEWW 4100 - C1 - 2012	0,44	0,3 - 0,6	12/09/2019
5	Chloride (mg/L)	SMEWW 1500 - C1 - B - 2012	198,00	250,00	12/09/2019
6	Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	260,00	300,00	12/09/2019
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,15	2	12/09/2019
8	Độ màu (màu sắc) (PCU)	SMEWW 2150C - 2012 (*)	2,37	15	12/09/2019
9	Trạng thái tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,2	12/09/2019
10	Mangan vi	Cảm quan	Không có màu vi	Không có màu vi	12/09/2019
11	Borua (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	0,96	50	12/09/2019
12	Nitrit (mg/L)	SMEWW 1800 - NO ₂ - B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	12/09/2019
13	pH	TCVN 6180 - 2011 (*)	7,43	6,5 - 8,5	12/09/2019
14	Độ cứng tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Ca - B - 2012	0,09	0,3	12/09/2019
15	Sulfat (mg/L)	SMEWW 437 C - 2012	187,0	250	12/09/2019

Số: 837 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0754.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Trạm 3 giếng, KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 11/9/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 11/09/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	12/09/2019
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	12/09/2019
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,48	2	12/09/2019
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,45	0,3 - 0,5	12/09/2019
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	198,00	250,00	12/09/2019
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	260,00	300,00	12/09/2019
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,43	2	12/09/2019
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	1,99	15	12/09/2019
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,3	12/09/2019
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/09/2019
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,68	50	12/09/2019
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	12/09/2019
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,40	6,5 - 8,5	12/09/2019
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,09	0,3	12/09/2019
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	184,6	250	12/09/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

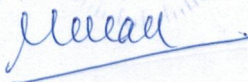
Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0754.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 9 năm 2019

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	0	0	12/09/2019
2	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	0	0	12/09/2019
3	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	0.48	0.48	12/09/2019
4	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	0.43	0.43	12/09/2019
5	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	198.00	250.00	12/09/2019
6	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	298.00	300.00	12/09/2019
7	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	0.43	0.43	12/09/2019
8	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	1.99	1.99	12/09/2019
9	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	Không phát hiện	0.3	12/09/2019
10	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	Không có mẫu vi khuẩn	Không có mẫu vi khuẩn	12/09/2019
11	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	1.48	50	12/09/2019
12	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	Không phát hiện	3	12/09/2019
13	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	7.40	6.5 - 8.5	12/09/2019
14	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	0.69	0.3	12/09/2019
15	Chỉ số tổng số (CFU/100ml)	TCN 6180-1:2011 (B) (*)	181.6	250	12/09/2019